

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28/9/2020

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Trung Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thám

2. Ông Phan Đình Nguyên.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Chung, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 125/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2020 về việc *“Ly hôn, nuôi con chung”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Tổ H, phường AP, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Huỳnh Thanh N, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Tổ S, phường TS, thị xã A, tỉnh Gia Lai; Anh N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày: Chị H và anh Huỳnh Thanh N kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường AP, thị xã A, tỉnh Gia Lai vào ngày 18/3/2015. Trong quá trình sống chung hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do anh N ham chơi gây nợ nần nên mâu thuẫn nhau và anh N đã đánh đập chị H. Tình trạng này lặp đi lặp lại nhiều lần nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Hiện nay giữa chị H và anh N đã ly thân nhau, vì thế chị H yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Thanh N.

Về con chung: Chị H và anh N có 01 con chung là cháu Huỳnh Nguyễn Vân T.H, sinh ngày 30/8/2012. Hiện nay cháu T.H đang sống cùng anh N và ông bà nội của cháu. Chị H đi làm xa nên đồng ý để con cho anh N nuôi, chị H

tự nguyện cấp dưỡng 1.500.000đ/tháng để anh N nuôi con. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Huỳnh Thanh N, mặc dù đã được Tòa án Thông báo thụ lý, Thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập đến tham gia phiên tòa nhưng đều cố tình vắng mặt nên không trình bày được quan điểm của mình về nội dung của vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến: Về thủ tục tố tụng Tòa án nhân dân thị xã A đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị H được ly hôn với anh N. Về con chung: Tại phiên tòa chị H đồng ý để anh N nuôi con và chị sẽ cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000đ cho cháu T.H nên đề nghị giao cháu T.H cho anh N nuôi là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H cấp dưỡng 1.500.000đ để anh N nuôi con. Về án phí: Buộc chị H phải chịu số tiền 300.000đ án phí dân sự về ly hôn và 300.000đ án phí nghĩa vụ cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh H yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Thanh N, hiện cư trú tại: Tổ S, phường TS, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

[2] Bị đơn anh Huỳnh Thanh N đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Huỳnh Thanh N tự nguyện đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân là hợp pháp. Quá trình chung sống chị H và anh N có phát sinh mâu thuẫn nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh N. Từ khi thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập anh N nhiều lần đến để tham gia hòa giải, xét xử nhưng anh N không đến, thể hiện thái độ bỏ mặc, không quan tâm đến việc tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng với chị H, hiện nay, chị H và anh N không còn chung sống với nhau. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh N là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H được ly hôn với anh N.

[4] Về con chung: Chị H và anh N có 01 con chung là cháu Huỳnh Nguyễn Vân T.H, sinh ngày 30/8/2012, hiện nay cháu T.H đang sống với anh N cùng ông bà nội của cháu. Cháu T.H được chăm sóc phát triển bình thường, hiện đang học lớp 3 Trường Tiểu học V thị xã A. Vả lại, chị H trình bày đi làm xa không có điều kiện chăm sóc con nên đồng ý giao con cho anh N nuôi. Do vậy, đề

không làm đảo lộn cuộc sống, sinh hoạt, học tập bình thường của cháu T.H; giao cháu Th cho anh N nuôi là phù hợp theo nguyện vọng của cháu T.H.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa do anh N vắng mặt nên không có yêu cầu nhưng chị H tự nguyện cấp dưỡng 1.500.000đ/tháng để anh N nuôi con. Xét thấy, việc tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với Điều 110 Luật Hôn nhân gia đình nên chấp nhận. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu tháng 10/2020 cho đến khi cháu Th thành niên và tự lực được.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì nguyên đơn chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn anh N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 235, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình

- Áp dụng điểm a khoản 5, điểm d khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh H.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn với anh Huỳnh Thanh N.

Về nuôi con chung: Giao cho anh Huỳnh Thanh N tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu Huỳnh Nguyễn Vân T.H, sinh ngày 30/8/2012 cho đến khi cháu T.H thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Thanh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hằng tháng, mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) để anh Huỳnh Thanh N nuôi cháu Huỳnh Nguyễn Vân T.H, sinh ngày 30/8/2012. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 10/2020 cho đến khi cháu T.H, thành niên và tự lực được.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất theo các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi xuất quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật

Dân sự. Trường hợp không thỏa thuận được thì mức lãi xuất chậm trả được thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Vì lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh H phải chịu số tiền 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 300.000đ án phí về cấp dưỡng, tổng cộng là 600.000đ (*Sáu trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004428 ngày 03 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A. Chị H phải nộp thêm 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí về cấp dưỡng. Anh Huỳnh Thanh N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 28/9/2020) các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn trên đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa được tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX A;
- UBND Phường AP, thị xã A
(Để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Trung Toàn